

Số: ~~1310~~ /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày ~~27~~ tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành**  
**Đường Sơn Thủy - Giá Gối, huyện Sơn Hà**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;*

*Căn cứ Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Đường Sơn Thủy - Giá Gối, huyện Sơn Hà;*

*Căn cứ Quyết định số 2087/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Sơn Thủy - Giá Gối, huyện Sơn Hà;*

*Căn cứ Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình Đường Sơn Thủy - Giá Gối, huyện Sơn Hà;*

*Căn cứ Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 11/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Sơn Thủy - Giá Gối, huyện Sơn Hà;*

*Căn cứ Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 22/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Đường Sơn Thủy - Giá Gối, huyện Sơn Hà;*

*Theo đề nghị của UBND huyện Sơn Hà tại Tờ trình số 29/TTr-UBND ngày 29/4/2022; đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm tra số 217/BC-STC ngày 19/9/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

- Tên dự án Đường Sơn Thủy - Giá Gối, huyện Sơn Hà.

- Chủ đầu tư: UBND huyện Sơn Hà.
- Địa điểm xây dựng: Xã Sơn Thủy, huyện Sơn Hà.
- Thời gian khởi công tháng 9/2017 - hoàn thành tháng 12/2020.

## Điều 2. Kết quả đầu tư

### 1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc dự toán phê duyệt lần cuối	Giá trị quyết toán
<b>Tổng số</b>	<b>47.200.000.000</b>	<b>41.362.136.000</b>
- Chi phí bồi thường, GPMB	1.316.660.745	1.316.659.000
- Chi phí xây dựng	38.678.999.000	34.943.214.000
- Chi phí quản lý dự án	728.754.000	728.754.000
- Chi phí tư vấn	3.570.955.738	3.338.645.000
- Chi phí khác	1.281.577.641	1.034.864.000
- Dự phòng	1.623.052.876	0

(Chi tiết có Phụ lục I kèm theo)

### 2. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc dự toán phê duyệt lần cuối	Giá trị phê duyệt quyết toán	Đã thanh toán	Thu hồi nộp ngân sách	Còn được thanh toán
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)-(4)-(5)
<b>Tổng số</b>	<b>47.200.000.000</b>	<b>41.362.136.000</b>	<b>39.811.000.000</b>	<b>-2.000.000</b>	<b>1.553.136.000</b>
Ngân sách tỉnh	47.200.000.000	41.362.136.000	39.811.000.000	-2.000.000	1.553.136.000

### 3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Công trình thuộc chủ đầu tư quản lý		Công trình giao đơn vị khác quản lý	
	Thực tế	Quy đổi	Thực tế	Quy đổi
<b>Tổng số</b>	<b>41.362.136.000</b>		<b>0</b>	
1. Tài sản cố định	41.362.136.000		0	
2. Tài sản lưu động	0		0	

4. Chi phí đầu tư thiệt hại được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng.

a) Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: 0 đồng.

b) Chi phí không tạo nên tài sản: 0 đồng.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: không có

**Điều 3.** Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

## 1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

a) Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

Nguồn vốn	Số tiền (đồng)	Ghi chú
<b>Tổng cộng</b>	<b>41.362.136.000</b>	
Ngân sách tỉnh	41.362.136.000	

## 1.2 Tổng các khoản công nợ tính đến thời điểm thẩm tra:

Trong đó	- Nợ phải thu:	2.000.000 đồng
	- Nợ phải trả:	1.553.136.000 đồng

*(Chi tiết theo Phụ lục số II kèm theo)*

Thực hiện công nợ của dự án: Thu hồi nộp ngân sách tỉnh giá trị thanh toán vượt là 2.000.000 đồng và bố trí bổ sung ngân sách tỉnh là 1.553.136.000 đồng để thanh toán công nợ.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định (đồng)	Tài sản lưu động (đồng)
UBND huyện Sơn Hà	41.362.136.000	0

3. UBND huyện Sơn Hà (chủ đầu tư) chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung theo Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán công trình hoàn thành số 217/BC-STC ngày 19/9/2022 của Sở Tài chính và nội dung quyết toán chi phí hoàn thành được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Sơn Hà và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KT-TH, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN (Vũ 960).

**CHỦ TỊCH****Đặng Văn Minh**

**Phụ lục số I**

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐƯỢC QUYẾT TOÁN  
ĐƯỜNG SƠN THỦY - GIÁ GỎI, HUYỆN SƠN HÀ**

(Kèm theo Quyết định số **1310** /QĐ-UBND ngày **27** /9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

*Đơn vị tính: đồng*

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được duyệt/hợp đồng	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
<b>I</b>	<b>Bồi thường, GPMB</b>	<b>1.316.660.745</b>	<b>1.316.659.000</b>	<b>1.316.659.000</b>	<b>-1.745</b>	<b>0</b>
1	Bồi thường trực tiếp	1.209.418.889	1.209.418.000	1.209.418.000	-889	0
2	Chi phí phục vụ bồi thường	39.773.856	39.773.000	39.773.000	-856	0
3	Trích đo bản đồ địa chính (bổ sung)	67.468.000	67.468.000	67.468.000	0	0
<b>II</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>	<b>38.678.999.000</b>	<b>34.971.263.000</b>	<b>34.943.214.000</b>	<b>-3.735.785.000</b>	<b>-28.049.000</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>728.754.000</b>	<b>728.754.000</b>	<b>728.754.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>3.570.955.738</b>	<b>3.338.645.000</b>	<b>3.338.645.000</b>	<b>-232.310.738</b>	<b>0</b>
1	Khảo sát bước lập dự án	351.182.000	351.182.000	351.182.000	0	0
2	Lập dự án đầu tư	166.725.037	166.725.000	166.725.000	-37	0
3	Khảo sát bước thiết kế BVTC	909.296.000	871.107.000	871.107.000	-38.189.000	0
4	Lập thiết kế BVTC	439.487.220	439.487.000	439.487.000	-220	0
5	Lập HSMT và đánh giá HSĐT	69.241.709	69.240.000	69.240.000	-1.709	0
6	Giám sát thi công xây dựng công trình	876.327.536	861.533.000	861.533.000	-14.794.536	0
7	Kiểm định chất lượng công trình	302.696.236	182.578.000	182.578.000	-120.118.236	0
8	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	100.000.000	40.801.000	40.801.000	-59.199.000	0
9	Chi phí vẽ thu hồi đất	356.000.000	355.992.000	355.992.000	-8.000	0
<b>V</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>1.281.577.641</b>	<b>1.034.864.000</b>	<b>1.034.864.000</b>	<b>-246.713.641</b>	<b>0</b>
1	Bảo hiểm công trình	101.920.932	100.568.000	100.568.000	-1.352.932	0
2	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	114.991.002	63.534.000	63.534.000	-51.457.002	0
3	Kiểm toán công trình	401.211.808	223.258.000	223.258.000	-177.953.808	0
4	Thẩm định dự án, thiết kế BVTC và dự toán	68.423.933	61.237.000	61.237.000	-7.186.933	0
5	Rà phá bom mìn	556.186.000	548.425.000	548.425.000	-7.761.000	0

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được duyệt/hợp đồng	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị	Giá trị quyết toán	Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
6	Thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu	38.843.966	37.842.000	37.842.000	-1.001.966	0
<b>VI</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>1.623.052.876</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>-1.623.052.876</b>	<b>0</b>
<b>VII</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>47.200.000.000</b>	<b>41.390.185.000</b>	<b>41.362.136.000</b>	<b>-5.837.864.000</b>	<b>-28.049.000</b>

**Phụ lục số II**

**BẢNG CÔNG NỢ**

**ĐƯỜNG SƠN THUY - GIÁ GỒI, HUYỆN SƠN HÀ**

(Kèm theo Quyết định số **1310** /QĐ-UBND ngày **17** /9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)



*Đơn vị tính: đồng*

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
<b>I</b>		<b>Bồi thường, GPMB</b>	<b>1.316.659.000</b>	<b>1.316.659.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Dân và tổ chức	Bồi thường trực tiếp	1.209.418.000	1.209.418.000	0	0
2	Ban Quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện Sơn Hà	Chi phí phục vụ bồi thường	39.773.000	39.773.000	0	0
3	Công ty TNHH Khảo sát và Phát triển Công nghệ Địa Việt	Trích đo bản đồ địa chính (bổ sung)	67.468.000	67.468.000	0	0
<b>II</b>		<b>Chi phí xây dựng</b>	<b>34.943.214.000</b>	<b>34.147.226.000</b>	<b>0</b>	<b>795.988.000</b>
1	Công ty TNHH MTV XD&TM Toàn Thịnh	Xây lắp toàn bộ công trình	34.943.214.000	34.147.226.000	0	795.988.000
<b>III</b>		<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>728.754.000</b>	<b>728.754.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Ban Quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện Sơn Hà	Quản lý dự án	728.754.000	728.754.000	0	0
<b>IV</b>		<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>3.338.645.000</b>	<b>3.221.464.000</b>	<b>-2.000.000</b>	<b>119.181.000</b>
1	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng cầu đường Kon Tum	Khảo sát bước lập dự án	351.182.000	351.182.000	0	0
2	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng cầu đường Kon Tum	Lập dự án đầu tư	166.725.000	166.725.000	0	0
3	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng cầu đường Kon Tum	Khảo sát bước thiết kế BVTC	871.107.000	871.107.000	0	0

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
4	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng cầu đường Kon Tum	Lập thiết kế BVTC	439.487.000	439.487.000	0	0
5	Công ty TNHH ĐT&XD Phong Thành	Lập HSMT	34.397.000	34.397.000	0	0
6	Ban Quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ huyện Sơn Hà	Đánh giá HSDT	34.843.000	34.843.000	0	0
7	Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Hoa Long	Giám sát thi công xây dựng công trình	861.533.000	742.352.000	0	119.181.000
8	Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Quảng Ngãi	Kiểm định chất lượng công trình	182.578.000	182.578.000	0	0
9	Công ty TNHH Dịch vụ và Công nghệ Môi trường Xanh	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	40.801.000	42.801.000	-2.000.000	0
10	Công ty TNHH Khảo sát và Phát triển Công nghệ Địa Việt	Chi phí vẽ thu hồi đất	355.992.000	355.992.000	0	0
<b>V</b>		<b>Chi phí khác</b>	<b>1.034.864.000</b>	<b>396.897.000</b>	<b>0</b>	<b>637.967.000</b>
1	Công ty Bảo hiểm PVI Nam Trung Bộ	Bảo hiểm công trình	100.568.000	100.568.000	0	0
2	Sở Tài chính Quảng Ngãi	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	63.534.000	0	0	63.534.000
3	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn thuế ATAX	Kiểm toán công trình	223.258.000	0	0	223.258.000
4	Sở Giao thông vận tải	Thẩm định dự án, thiết kế BVTC và dự toán	61.237.000	61.237.000	0	0
5	Tổng công ty xây dựng Trường Sơn	Rà phá bom mìn	548.425.000	197.250.000	0	351.175.000

STT	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
6	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Sơn Hà	Thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu	37.842.000	37.842.000	0	0
<b>VI</b>	<b>Tổng cộng</b>		<b>41.362.136.000</b>	<b>39.811.000.000</b>	<b>-2.000.000</b>	<b>1.553.136.000</b>